

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/DS-ST

Ngày: 13-9-2023

“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
về tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Lợi và Doãn Thị Lê.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga, là Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST- KDTM ngày 08-9-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-KDTM ngày 25-8-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Đường C, phường G, quận S, Thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn H, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch thành phố P - Chi nhánh Gia Lai - Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 139, đường Văn, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc N, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Đ2, sinh năm 2000 (là con đẻ của bà Ngô N đã chết năm 2017, bà N là con đẻ của bà L); địa chỉ: Số 89B, Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.2. Ông Trần Q, sinh năm 1983 (là con đẻ của bà L); địa chỉ: Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.3. Ông Ngô Đình T, sinh năm 1973 (là con đẻ của bà L); địa chỉ: Số 3, đường P, tổ 5, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn H, sinh năm 1987 (là chồng của bà N); địa chỉ: Số 7A, đường N, tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3.5. Cháu Nguyễn Ngô D, sinh năm 2016 và cháu Nguyễn Ngô Diệu A, sinh năm 2017 (là con đẻ của ông D và bà N); địa chỉ: Số 7A, đường N, tổ 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13-4-2023, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Theo các Hợp đồng tín dụng: Số 04/2018/6578229/HĐTD ngày 03-08-2018; số 01/2019/6578229/HĐTD ngày 23-01-2019 và số 02/2019/6578229/HĐTD ngày 28-03-2019, Ngân hàng TMCP A đã cho bà L vay tổng số tiền là: 1.200.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay được xác định tại các hợp đồng tín dụng đã ký; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 72,2m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 4 tại Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 000000 do UBND thành phố P cấp ngày 14-9-2007; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4C, diện tích 72,2m² theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2014/6578229/HĐBĐ ngày 22-09-2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số: 01/2016/6578229/SĐBS ngày 15-03-2016.

Ngày 15-5-2019, bà L chết (trích lục khai tử số: 137/TLKT-BS ngày 25-4-2023 của UBND phường H, TP.P) nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Liên gồm: Bị đơn ông Trần Quốc N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: Anh Trần Đ2, ông Trần Q, ông Ngô Đình T, ông Nguyễn H, cháu Nguyễn Ngô D và cháu Nguyễn Ngô Diệu A (có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn H) phải trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc là: 1.200.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 14-03-2023 là: 683.601.643 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tham gia tố tụng nhưng họ không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên không thống nhất với việc xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là kinh doanh, thương mại, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và xác định quan hệ pháp luật cho đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn và người liên quan phải trả nợ tiền gốc và lãi suất tính đến ngày bà Liên chết là 15-5-2019; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất kể từ sau ngày bà L chết đến ngày

xét xử sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Trường hợp bên có nghĩa vụ không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng trước khi mở phiên tòa, Tòa án xác định đây là vụ án kinh doanh, thương mại là không chính xác. Do đó, theo ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại*”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo lãnh thổ và cấp xét xử được quy định tại các Điều: 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự nhưng họ không có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo các Hợp đồng tín dụng: Số 04/2018/6578229/HĐTD ngày 03-08-2018; số 01/2019/6578229/HĐTD ngày 23-01-2019 và số 02/2019/6578229/HĐTD ngày 28-03-2019, Ngân hàng TMCP A đã cho bà L vay tổng số tiền là: 1.200.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay được xác định tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

[3] Ngày 15-5-2019, bà L chết không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự thì những người thừa kế của bà L có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ vay mà bà L còn nợ Ngân hàng trong phạm vi di sản của bà Liên để lại.

[4] Bị đơn ông Trần Quốc N đang trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản thế chấp, có tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng không có văn bản hoặc ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng và thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự nhưng họ không có mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Do đó, mặc nhiên bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Bảng kê tính lãi suất do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa chứng minh số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa trả tính đến ngày 12-9-2023 là: 2.069.171.320 đồng (trong đó: Tiền gốc là: 1.200.000.000 đồng, tiền lãi suất là: 869.171.320 đồng).

[6] Để bảo đảm nghĩa vụ cho khoản vay tại Ngân hàng, bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất 72,2m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 4 tại Số 00, đường Đ,

tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 00000 do UBND thành phố P cấp ngày 14-9-2007; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4C, diện tích 72,2m², theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số: 01/2014/6578229/HĐBĐ ngày 22-09-2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số: 01/2016/6578229/SĐBS ngày 15-03-2016. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định được tài sản thế chấp quyền sử dụng đất 72,2m², thửa đất số 77, tờ bản đồ số 4 tại Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 582163 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 14-9-2007; tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4C, diện tích 72,2m², loại đất ở đô thị. Đất có tứ cận như sau:

Đông giáp đường Đ, dài 3,1m.

Tây giáp thửa đất số 71, dài 3,1m.

Nam giáp Trụ sở Hội người cao tuổi, dài 23,3m.

Bắc giáp đất ông C, dài 23,3m.

Từ những căn cứ nhận định tại các luận điểm từ [1] đến [4] nêu trên đã đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều: 5, 70, 91, 143, 144, 147, 157, 158, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

-Áp dụng các Điều: 274, 275, 278, 280, 297, 319, 385, 463, 466, 468, 470, 615 của Bộ luật dân sự; các Điều: 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

1. Buộc ông Trần Quốc N, anh Trần Đ2, ông Trần Q, ông Ngô Đình T, ông Nguyễn H, cháu Nguyễn Ngô D, cháu Nguyễn Ngô Diệu A (có người đại diện hợp pháp của cháu D và cháu A là ông Nguyễn H) phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A thông qua Chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P, số tiền nợ gốc và nợ lãi

là: 2.069.171.320 đồng (trong đó: Tiền gốc là: 1.200.000.000 đồng, tiền lãi suất là: 869.171.320 đồng) trong phạm vi di sản bà L để lại.

2. Trường hợp bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản là nhà và đất tại Số 00, đường Đ, tổ 2, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 00000 do UBND thành phố Pleiku cấp ngày 14-9-2007, do bà L đã thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2014/6578229/HĐBĐ ngày 22-09-2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung số: 01/2016/6578229/SĐBS ngày 15-03-2016, để thu hồi nợ.

3. Sau khi trả hết nợ, Ngân hàng TMCP A phải làm thủ tục để xóa thế chấp và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 00000 cho ông Trần Quốc N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Quốc N, anh Trần Đ2, ông Trần Q, ông Ngô Đình T, ông Nguyễn H, cháu Nguyễn Ngô D, cháu Nguyễn Ngô Diệu A (có người đại diện hợp pháp của cháu D và cháu A là ông Nguyễn H) phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 73.383.426 đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng TMCP A thông qua Chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P, số tiền là: 34.254.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000251 ngày 9-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Trần Quốc N, anh Trần Đ2, ông Trần Q, ông Ngô Đình T, ông Nguyễn H, cháu Nguyễn Ngô D, cháu Nguyễn Ngô Diệu A (có người đại diện hợp pháp của cháu D và cháu A là ông Nguyễn H) phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A thông qua Chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P, số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Thương